TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2026/DS-ST
Ngày: 10-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Khanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hậu

2. Bà Danh Thùy Dương

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Phan Văn Dư**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Châu Ngọc Hạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Nguyễn Hoài M**, sinh ngày 08/12/1981. Căn cước công dân số 095181006367 cấp ngày 14/8/2021. Địa chỉ: Số C, Khóm E, phường B, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị **Vũ Thị Yến N**, sinh ngày 20/6/1988. Căn cước công dân số 095188000782. Địa chỉ: ấp L, xã H, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Bùi Ngọc P**, sinh ngày 15/10/1944. Căn cước công dân số 096144003853. Địa chỉ: Số C, Khóm E, phường B, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Bà **Huỳnh Nguyễn Hoài M**, sinh ngày 08/12/1981. Căn cước công dân số 095181006367 cấp ngày 14/8/2021. Địa chỉ: Số C, Khóm E, phường B, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Ông **Trần Minh T** là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C.

(Bà Huỳnh Nguyễn Hoài M, ông Trần Minh T có mặt; bà Vũ Thị Yến N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Huỳnh Nguyễn Hoài M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Ngọc P trình bày:

Ngày 22/3/2022, bà Vũ Thị Yến N vay bà Huỳnh Nguyễn Hoài M và bà Bùi Ngọc P (bà P là mẹ của bà M) 400.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Khi vay, các bên có làm Văn bản thỏa thuận cam kết, được Công chứng ngày 22/3/2022 tại Văn phòng C. Thời hạn trả toàn bộ tiền vay là ngày 29/3/2023. Tuy nhiên, từ khi vay đến ngày 10/9/2025 thì bà N chỉ trả 176.000.000 đồng tiền gốc. Tại đơn khởi kiện, bà M yêu cầu bà N trả 224.000.000 đồng tiền gốc là tiền lãi từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ với mức lãi suất là 1,67%/tháng. Tại phiên tòa, bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với mức lãi suất là 0,84%/tháng từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Tạm tính đến ngày xét xử là 16.732.800 đồng.

Bị đơn bà Vũ Thị Yến N trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P là ông Trần Minh T trình bày: Bà P và bà M có cho bà N vay số tiền 400.000.000 đồng có lập văn bản cam kết ngày 22/3/2022, thời hạn vay đến ngày 29/3/2023. Tuy nhiên, đến hạn phía bà N không thanh toán theo thỏa thuận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà N trả tiền gốc là 224.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng, từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M yêu cầu buộc bà N trả nợ gốc 224.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M yêu cầu bà N trả lãi. Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau đã triệu tập bà Vũ Thị Yến N hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà M yêu cầu bà N trả tiền vay. Bà N cư trú tại ấp L, xã H, tỉnh Cà Mau. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau theo quy định khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với mức lãi suất 0,84%/tháng từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này.

[4] Về nội dung: Bà M yêu cầu bà N trả cho bà M nợ gốc là 224.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/9/2025 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4.1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà N không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[4.2] Nguyên đơn cung cấp Văn bản thỏa thuận cam kết ngày 22/3/2022. Nội dung bà N có vay của bà P và bà M số tiền 400.000.000 đồng. Văn bản thỏa thuận có chữ ký và lăn tay của bà N, được công chứng tại Văn phòng C ngày 22/3/2022. Xét thấy, bà N không thực hiện đúng cam kết trả nợ vào ngày 29/3/2023 là vi phạm nghĩa vụ bên vay theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, bà M khởi kiện bà N trả nợ là có căn cứ.

[4.3] Về tiền lãi: Bà M yêu cầu bà N trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 224.000.000 đồng kể từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Tại Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định: *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.* Theo Văn bản thỏa thuận cam kết ngày 22/3/2022 thì lãi suất các bên thỏa thuận, không thể hiện lãi suất cụ thể. Do các bên thỏa thuận lãi suất không rõ ràng, đồng thời bà M chỉ yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 10/9/2025 đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp với Điều 466, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, cần buộc bà N thanh toán tiền lãi cho bà M từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ, tạm tính đến ngày xét xử (10/6/2026) là 16.732.800 đồng.

[4.4] Bà Minh xác Đ, số tiền cho bà N vay là tài sản chung của bà M và bà P, do quan hệ mẹ con nên không xác định được phần sở hữu cụ thể của từng người. Đồng thời, bà P đã ủy quyền cho bà M tham gia tố tụng, quyết định tất cả các vấn đề, đồng thời bà P không có yêu cầu gì đối với vụ án nên không đặt ra xem xét,

giải quyết. Do đó, cần buộc bà N thanh toán trả nợ cho bà M. Trường hợp sau này nếu phát sinh tranh chấp giữa bà M và bà P thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí 12.036.640 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà M không phải chịu án phí. Bà M đã nộp tạm ứng án phí 5.600.000 đồng nên được hoàn lại.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Nguyễn Hoài M về việc yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,84%/tháng từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Nguyễn Hoài M đối với bà Vũ Thị Yến N.

Buộc bà Vũ Thị Yến N có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Nguyễn Hoài M tổng số tiền là 240.732.800 đồng (trong đó 224.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 16.732.800 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 10/6/2026, bà Vũ Thị Yến N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà Huỳnh Nguyễn Hoài M.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Vũ Thị Yến N phải nộp số tiền 12.036.640 đồng.

- Bà Huỳnh Nguyễn Hoài M đã nộp số tiền 5.600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007122 ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay được hoàn lại toàn bộ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Khanh